

ĐIỂM THI THI NĂNG KHIẾU CĐCQ NGÀNH MÀM NON 2017 - ĐỢT 2

Thời gian: 24.25/8/2017

TT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Khu vực UT	Đổi tượng UT	CMND	Hộ khẩu	Phần thi Hát				Phần thi Đọc - Kể				Điểm năng khiếu
										Số dự thi	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm KL	Số dự thi	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm KL	
1	MN2.01	DƯƠNG THỊ BÌNH	AN	07/07/1999	Nữ	2NT		036199008724	Nam Định	179	7.00	7.00	7.00	238	6.00	6.00	6.00	6.50
2	MN2.02	PHẠM THỊ LAN	ANH	25/06/1999	Nữ	2NT		036199004823	Nam Định	180	9.00	9.00	9.00	239	8.00	8.00	8.00	8.50
3	MN2.03	TRẦN THỊ NGUYỆT	ANH	16/07/1999	Nữ	2		163434128	Nam Định	181	9.00	9.00	9.00	240	9.00	9.00	9.00	9.00
4	MN2.04	HOÀNG THỊ MINH	ANH	12/08/1999	Nữ	2		036199001436	Nam Định	182	8.00	8.00	8.00	241	9.00	9.00	9.00	8.50
5	MN2.06	VŨ THỊ	BÍCH	09/08/1999	Nữ	2NT		036199001202	Nam Định	184	9.00	9.00	9.00	243	7.50	7.50	7.50	8.25
6	MN2.08	ĐẶNG THỊ	DUNG	16/08/1999	Nữ	2NT		036199002175	Nam Định	186	8.00	8.00	8.00	230	5.50	5.50	5.50	6.75
7	MN2.09	VŨ THỊ	DƯƠNG	09/03/1999	Nữ	2NT		036199001318	Nam Định	171	9.00	9.00	9.00	231	8.50	8.50	8.50	8.75
8	MN2.10	PHẠM THỊ THÙY	DƯƠNG	17/08/1999	Nữ	2		036199008990	Nam Định	172	9.00	9.00	9.00	232	9.00	9.00	9.00	9.00
9	MN2.11	ĐỖ THỊ THÙY	DƯƠNG	06/11/1999	Nữ	2NT		163452679	Nam Định	173	7.00	7.00	7.00	233	6.00	6.00	6.00	6.50
10	MN2.12	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	10/10/1999	Nữ	2NT		036199001271	Nam Định	174	8.00	8.00	8.00	234	6.00	6.00	6.00	7.00
11	MN2.14	PHẠM THỊ THANH	HIỀN	21/03/1999	Nữ	2NT		036199009183	Nam Định	176	8.00	8.00	8.00	236	5.50	6.00	5.75	6.88
12	MN2.15	ĐỖ THANH	HOA	28/03/1999	Nữ	2NT		036199006099	Nam Định	177	7.00	7.00	7.00	237	6.00	6.00	6.00	6.50
13	MN2.16	LÊ THỊ THANH	HUYỀN	10/10/1999	Nữ	2NT		036199006294	Nam Định	178	8.00	8.00	8.00	221	5.00	5.00	5.00	6.50
14	MN2.17	TRẦN THỊ	HUYỀN	17/02/1999	Nữ	2NT		036199003569	Nam Định	187	7.00	7.00	7.00	222	6.00	6.00	6.00	6.50
15	MN2.18	BÙI THU	HƯƠNG	04/06/1999	Nữ	2NT		036199000328	Nam Định	188	9.00	9.00	9.00	223	8.50	8.50	8.50	8.75
16	MN2.19	PHẠM THỊ	HƯƠNG	29/08/1999	Nữ	2NT		036199008500	Nam Định	189	8.00	8.00	8.00	224	5.00	5.00	5.00	6.50

TT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Khu vực UT	Đối tượng UT	CMND	Hộ khẩu	Phần thi Hát				Phần thi Đọc - Kể				Điểm năng khiếu
										Số dự thi	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm KL	Số dự thi	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm KL	
17	MN2.20	VŨ THỊ	HƯƠNG	11/11/1999	Nữ	2NT		036199000535	Nam Định	190	7.00	7.00	7.00	225	8.00	8.00	8.00	7.50
18	MN2.21	HOÀNG THU	HƯƠNG	14/12/1999	Nữ	2		036199004637	Nam Định	191	7.00	7.00	7.00	226	5.00	5.00	5.00	6.00
19	MN2.22	LƯƠNG THỊ	HƯỜNG	09/07/1999	Nữ	2NT		163452717	Nam Định	192	7.00	7.00	7.00	227	5.50	6.00	5.75	6.38
20	MN2.23	TRẦN THỊ TRANG	HƯỜNG	14/09/1999	Nữ	2NT		036199005265	Nam Định	193	9.00	9.00	9.00	228	7.00	7.00	7.00	8.00
21	MN2.25	TRẦN THỊ HOÀI	LINH	16/11/1999	Nữ	2		163430286	Nam Định	203	9.00	9.00	9.00	261	8.00	8.50	8.25	8.63
22	MN2.26	TRẦN KHÁNH	LINH	01/02/1999	Nữ	2		036199004030	Nam Định	204	8.00	8.00	8.00	262	7.00	7.00	7.00	7.50
23	MN2.27	TRẦN THỊ SAO	MAI	27/07/1999	Nữ	2		036199003570	Nam Định	205	9.00	9.00	9.00	263	8.00	8.00	8.00	8.50
24	MN2.28	ĐỖ THỊ BÍCH	NGỌC	14/03/1999	Nữ	2		036199008339	Nam Định	206	9.00	9.00	9.00	264	8.00	8.00	8.00	8.50
25	MN2.30	NGUYỄN THỊ	NGỌC	01/04/1999	Nữ	2NT		036199007597	Nam Định	208	7.00	7.00	7.00	266	5.00	5.00	5.00	6.00
26	MN2.31	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	05/12/1991	Nữ	2NT		036191002867	Nam Định	209	9.00	9.00	9.00	267	8.00	7.50	7.75	8.38
27	MN2.32	PHẠM THỊ DIỆP	PHƯƠNG	03/12/1999	Nữ	2NT		036199005649	Nam Định	210	7.00	7.00	7.00	252	6.00	6.00	6.00	6.50
28	MN2.33	TRẦN THỊ THÚY	QUỲNH	26/08/1999	Nữ	2NT		036199000799	Nam Định	195	7.00	7.00	7.00	253	5.00	5.00	5.00	6.00
29	MN2.34	TRẦN THỊ MINH	TÂM	20/11/1998	Nữ	2NT		163403176	Nam Định	196	9.00	9.00	9.00	254	9.00	9.00	9.00	9.00
30	MN2.35	TRẦN THỊ	TUYẾT	07/11/1999	Nữ	2NT		036199009246	Nam Định	197	7.00	7.00	7.00	255	6.00	6.00	6.00	6.50
31	MN2.36	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	22/11/1999	Nữ	2NT		036199001365	Nam Định	198	7.00	7.00	7.00	256	6.00	6.00	6.00	6.50
32	MN2.38	TRẦN THU	THẢO	09/10/1999	Nữ	2		036199006991	Nam Định	200	8.00	8.00	8.00	258	7.00	7.00	7.00	7.50
33	MN2.39	NGÔ THỊ	THU	16/11/1999	Nữ	2NT		163416262	Nam Định	201	7.00	7.00	7.00	259	6.00	6.00	6.00	6.50
34	MN2.40	VŨ THỊ	THU	12/02/1999	Nữ	2NT		163391985	Nam Định	202	8.00	8.00	8.00	260	6.00	6.00	6.00	7.00
35	MN2.41	HOÀNG THỊ	THƯƠNG	27/04/1999	Nữ	2NT		036199004520	Nam Định	211	9.00	9.00	9.00	245	7.50	7.50	7.50	8.25

TT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Khu vực UT	Đối tượng UT	CMND	Hộ khẩu	Phần thi Hát				Phần thi Đọc - Kể				Điểm năng khiếu
										Số dự thi	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm KL	Số dự thi	Điểm GK1	Điểm GK2	Điểm KL	
36	MN2.42	PHẠM THU	TRANG	20/07/1999	Nữ	2NT		036199002977	Nam Định	212	8.00	8.00	8.00	246	8.00	8.00	8.00	8.00
37	MN2.43	VŨ THỊ QUỲNH	TRANG	08/06/1999	Nữ	2NT		036199009654	Nam Định	213	7.00	7.00	7.00	247	6.00	6.00	6.00	6.50
38	MN2.44	NGUYỄN THỊ	UYÊN	09/04/1999	Nữ	2NT		036199005737	Nam Định	214	9.00	9.00	9.00	248	5.50	6.00	5.75	7.38
39	MN2.45	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	25/11/1999	Nữ	2NT		163438371	Nam Định	215	7.00	7.00	7.00	249	7.00	7.00	7.00	7.00
40	MN2.46	TRẦN THỊ THU	UYÊN	17/10/1999	Nữ	2		163440325	Nam Định	216	7.00	7.00	7.00	250	5.50	5.00	5.25	6.13
41	MN2.47	ĐỖ THỊ HẢI	YẾN	03/11/1999	Nữ	2NT		036199009528	Nam Định	217	9.00	9.00	9.00	251	6.50	6.50	6.50	7.75

Danh sách gồm 41 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Q.HIỆU TRƯỞNG

Thạc sỹ TRẦN DUY HÙNG

